

2. Đối với một số loại hình khám, chữa bệnh, Bộ Y tế quy định khung giá để các cơ sở hành nghề y tư nhân áp dụng.

Điều 16. - Các cơ sở hành nghề y, được tư nhân có trách nhiệm phối hợp với cơ quan y tế địa phương trong việc phòng, chống bệnh lây truyền qua đường sinh dục, bệnh nghiện ma túy, bệnh AIDS và một số bệnh truyền nhiễm khác có thể gây nguy hại cho xã hội.

Điều 17. - Bộ trưởng Bộ Y tế thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về hành nghề y, được tư nhân và ban hành theo thẩm quyền hoặc phối hợp với các Bộ có liên quan ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Pháp lệnh và Nghị định này để quản lý chặt chẽ và thống nhất hành nghề y, được tư nhân trong cả nước.

Điều 18. - Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với quy định trong Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 19. - Bộ trưởng Bộ Y tế, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ

Thủ tướng

VÕ VĂN KIỆT

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 7-CP ngày 29-1-1994 ban hành Quy chế về kiểm toán độc lập trong nền kinh tế quốc dân.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển và thống nhất quản lý hoạt động kiểm toán độc lập trong nền kinh tế quốc dân;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. - Nay ban hành kèm theo Nghị định này Quy chế về kiểm toán độc lập trong nền kinh tế quốc dân.

Điều 2. - Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bộ trưởng Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn việc thực hiện Quy chế ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 3. - Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ

K.T. Thủ tướng

Phó Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

QUY CHẾ về kiểm toán độc lập trong nền kinh tế quốc dân

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 7-CP
ngày 29-1-1994 của Chính phủ).*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. - Kiểm toán độc lập là việc kiểm tra và xác nhận của kiểm toán viên chuyên nghiệp thuộc các tổ chức kiểm toán độc lập về tính đúng đắn, hợp lý của các tài liệu, số liệu kế toán và báo cáo quyết toán của các doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội (gọi tắt là các đơn vị kế toán) khi có yêu cầu của các đơn vị này.

Sau khi có xác nhận của kiểm toán viên chuyên nghiệp thì các tài liệu, số liệu kế toán và báo cáo quyết toán của các đơn vị kế toán là căn cứ cho việc điều hành, quản lý hoạt động ở đơn vị, cho các cơ quan quản lý cấp trên và cơ quan tài chính Nhà nước xét duyệt quyết toán hàng năm của các đơn vị kế toán, cho cơ quan thuế

tính toán số thuế và các khoản nộp khác của đơn vị đối với ngân sách Nhà nước, cho các cổ đông, các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh, các khách hàng và các tổ chức, cá nhân xử lý các mối quan hệ về quyền lợi và nghĩa vụ của các bên có liên quan trong quá trình hoạt động của đơn vị.

Hoạt động kiểm toán độc lập còn giúp các đơn vị kế toán phát hiện và chấn chỉnh kịp thời các sai sót do vô tình hay cố ý, phòng ngừa các vi phạm và thiệt hại có thể xảy ra trong kinh doanh và sử dụng kinh phí.

Điều 2. - Kiểm toán độc lập được thực hiện theo yêu cầu của các đối tượng sau đây:

1. Các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động theo Luật Đầu tư nước ngoài của Việt Nam;
2. Các công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần;
3. Các doanh nghiệp tư nhân;
4. Các hợp tác xã;
5. Các doanh nghiệp Nhà nước;
6. Các tổ chức sự nghiệp, đoàn thể xã hội;
7. Các tổ chức quốc tế tại Việt Nam.

Điều 3. - Công việc kiểm toán độc lập do các kiểm toán viên chuyên nghiệp (gọi tắt là kiểm toán viên) thực hiện. Kiểm toán viên là người có đủ điều kiện quy định trong Quy chế này, được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận và cho phép hành nghề trong các tổ chức kiểm toán độc lập.

Điều 4. - Tổ chức kiểm toán độc lập là một doanh nghiệp (công ty kiểm toán hoặc văn phòng kiểm toán) được thành lập theo quy định hiện hành về thành lập các loại doanh nghiệp và các quy định trong Quy chế này.

Điều 5. - Bộ Tài chính là cơ quan quản lý Nhà nước đối với hoạt động kiểm toán độc lập.

Điều 6. - Các tổ chức kiểm toán nước ngoài hoạt động kiểm toán và tư vấn tài chính - kế toán trên lãnh thổ Việt Nam phải được Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư của Việt Nam cấp giấy phép, sau khi có sự thỏa thuận bằng văn bản của Bộ Tài chính. Hoạt động của kiểm toán viên và tổ chức kiểm toán nước ngoài phải tuân thủ Luật Đầu tư nước ngoài của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quy định trong Quy chế này

và các thông lệ kiểm toán quốc tế được Nhà nước Việt Nam thừa nhận.

Điều 7. - Đối tượng có yêu cầu kiểm toán được tự do lựa chọn các tổ chức kiểm toán độc lập hoạt động hợp pháp ở Việt Nam để ký kết hợp đồng kiểm toán.

Đối tượng yêu cầu kiểm toán có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và trung thực mọi thông tin tài liệu cần thiết có liên quan, tạo điều kiện thuận lợi cho kiểm toán viên thực hiện kiểm toán và trả đủ, kịp thời phí kiểm toán theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Điều 8. - Công việc kiểm toán phải thực hiện theo trình tự và phương pháp nghiệp vụ chuyên môn do Bộ Tài chính quy định. Khi kết thúc công việc kiểm toán, kiểm toán viên phải lập báo cáo kiểm toán, ghi ý kiến nhận xét của mình vào báo cáo kiểm toán và chịu hoàn toàn trách nhiệm về các ý kiến đó. Báo cáo kiểm toán phải khách quan, trung thực, có chữ ký của kiểm toán viên và phải được lãnh đạo của tổ chức kiểm toán xác nhận, ký tên, đóng dấu.

Chương II

KIỂM TOÁN VIÊN

Điều 9. - Kiểm toán viên phải là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài được phép cư trú tại Việt Nam, có đăng ký hành nghề tại một tổ chức kiểm toán độc lập hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 10. - Công dân Việt Nam có đầy đủ các điều kiện sau đây được công nhận là kiểm toán viên và được phép đăng ký hành nghề tại một tổ chức kiểm toán độc lập ở Việt Nam:

1. Có lý lịch rõ ràng; phẩm chất trung thực, liêm khiết, nắm vững luật pháp và chính sách, chế độ kinh tế, tài chính, kế toán, thống kê của Nhà nước; không có tiền án, tiền sự.
2. Có bằng tốt nghiệp đại học hoặc trung học chuyên ngành tài chính, kế toán, đã làm công tác tài chính, kế toán từ 5 năm trở lên (nếu tốt nghiệp đại học) hoặc 10 năm trở lên (nếu tốt nghiệp trung học).

3. Đã qua kỳ thi tuyển kiểm toán viên do Hội đồng thi cấp Nhà nước tổ chức và được Bộ trưởng Bộ Tài chính cấp chứng chỉ.

Điều 11. - Công chức Nhà nước đương chức không được đăng ký hành nghề trong các tổ chức kiểm toán độc lập. Kiểm toán viên đã bị rút giấy phép đăng ký hành nghề không được đăng ký hành nghề lại.

Điều 12. - Công dân nước ngoài được đăng ký hành nghề tại một tổ chức kiểm toán độc lập ở Việt Nam nếu có chứng chỉ kiểm toán viên do Bộ trưởng Bộ Tài chính Việt Nam cấp hoặc có chứng chỉ kiểm toán viên được cấp bởi một tổ chức kiểm toán quốc tế mà Bộ Tài chính Việt Nam thừa nhận.

Điều 13. - Kiểm toán viên được thực hiện các dịch vụ kiểm toán sau đây:

1. Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của các chứng từ, tài liệu, số liệu kế toán, việc chấp hành chế độ, thể lệ kế toán, tài chính của Nhà nước.

2. Kiểm tra và xác nhận mức độ trung thực, hợp lý của báo cáo quyết toán do các đơn vị kế toán lập ra.

3. Kiểm tra và xác nhận giá trị vốn góp của các bên tham gia liên doanh, của các cổ đông, kiểm tra xác nhận tính trung thực, chính xác, đầy đủ của số liệu kế toán và báo cáo quyết toán của các đơn vị liên doanh, giải thể, sáp nhập, chia tách, cổ phần hóa, phá sản và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Giám định tài chính, kế toán và các dịch vụ tư vấn về quản lý tài chính, kế toán, thuế theo yêu cầu của khách hàng.

Điều 14. - Kiểm toán viên thực hiện nhiệm vụ kiểm toán theo đúng các nguyên tắc sau đây:

1. Tuân thủ pháp luật của Nhà nước Việt Nam.

2. Bảo đảm trung thực, độc lập, khách quan, công bằng và bí mật số liệu.

3. Tuân thủ các chuẩn mực kế toán và kiểm toán hiện hành của Việt Nam và các chuẩn mực kế toán và kiểm toán quốc tế phổ biến được Nhà nước Việt Nam thừa nhận.

4. Kiểm toán viên chỉ được thực hiện dịch vụ kiểm toán cho các đơn vị khách hàng mà kiểm toán viên không có quan hệ về kinh tế và không

có quan hệ họ hàng thân thuộc với người lãnh đạo đơn vị.

Điều 15. - Kiểm toán viên có trách nhiệm:

1. Chấp hành nghiêm chỉnh các nguyên tắc kiểm toán quy định tại Điều 14 Quy chế này; thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng kiểm toán; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước tổ chức kiểm toán độc lập và trước khách hàng về kết quả kiểm toán và ý kiến nhận xét trong báo cáo kiểm toán.

2. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, kiểm toán viên không được gây trở ngại hoặc can thiệp vào công việc điều hành của đơn vị đang kiểm toán và chỉ được nhận phí kiểm toán đã thỏa thuận trong hợp đồng kiểm toán.

3. Kiểm toán viên vi phạm Quy chế này, vi phạm pháp luật có thể bị thu hồi chứng chỉ kiểm toán viên và bị xử lý theo pháp luật, nếu gây thiệt hại vật chất cho khách hàng thì phải bồi thường.

Điều 16. - Kiểm toán viên có quyền:

1. Độc lập về chuyên môn nghiệp vụ.

2. Yêu cầu khách hàng cung cấp đầy đủ, kịp thời các tài liệu về kế toán, tài chính và các tài liệu khác có liên quan đến nội dung kiểm toán.

3. Đối chiếu, xác minh các thông tin kinh tế có liên quan tới đơn vị được kiểm toán, ở trong và ở ngoài đơn vị (nếu cần).

4. Trong quá trình kiểm toán, nếu phát hiện đơn vị được kiểm toán có hiện tượng vi phạm pháp luật, kiểm toán viên được quyền thông báo và kiến nghị đơn vị có biện pháp sửa chữa sai phạm và có quyền ghi ý kiến của mình vào báo cáo kiểm toán.

5. Khước từ làm kiểm toán cho khách hàng, nếu xét thấy không đủ điều kiện hoặc không đủ khả năng để kiểm toán.

Chương III

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Điều 17. - Tổ chức kiểm toán độc lập (công ty kiểm toán hoặc văn phòng kiểm toán) muốn được thành lập phải có các điều kiện sau đây:

1. Có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành về việc thành lập các loại doanh nghiệp.

2. Có ít nhất 5 người trở lên được cấp chứng chỉ kiểm toán viên. Người đứng đầu tổ chức kiểm toán phải là kiểm toán viên.

3. Được Bộ trưởng Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập theo quy định của pháp luật.

Điều 18. - Tổ chức kiểm toán độc lập sau khi được phép thành lập phải làm thủ tục đăng ký kinh doanh tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, phải đăng báo theo quy định của pháp luật và phải đăng ký danh sách kiểm toán viên tại Bộ Tài chính. Mọi thay đổi của tổ chức kiểm toán độc lập về những nội dung đã được đăng ký tại các cơ quan Nhà nước đều phải đăng ký lại hoặc xin phép bổ sung.

Điều 19. - Tổ chức kiểm toán độc lập chịu trách nhiệm quản lý hoạt động nghề nghiệp của kiểm toán viên thuộc diện quản lý, chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước khách hàng về những vi phạm quy chế hành nghề của tổ chức kiểm toán và kiểm toán viên, phải chịu trách nhiệm bồi thường mọi thiệt hại gây ra cho khách hàng.

Điều 20. - Tổ chức kiểm toán độc lập là đơn vị hạch toán kinh tế độc lập được thu phí dịch vụ để trang trải mọi chi phí. Mức thu phí của từng hợp đồng kiểm toán do hai bên thỏa thuận căn cứ vào khối lượng, tính chất phức tạp của công việc và khung giá phí kiểm toán do Bộ Tài chính quy định.

Tổ chức kiểm toán độc lập phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước theo luật định và cần mua bảo hiểm tại các tổ chức bảo hiểm để đề phòng rủi ro khi phải bồi thường thiệt hại đã gây ra cho khách hàng.

Chương IV

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN

Điều 21. - Các tổ chức kiểm toán độc lập chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý Nhà nước như một doanh nghiệp.

Các cơ quan quản lý Nhà nước khi sử dụng các số liệu kế toán và báo cáo quyết toán của các đơn vị kế toán đã được tổ chức kiểm toán độc lập kiểm tra xác nhận, nếu thấy có nghi vấn thì kiểm tra lại và trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của mình đưa ra các quyết định quản lý. Đơn vị kế toán phải chấp hành quyết định của cơ quan quản lý Nhà nước, đồng thời yêu cầu tổ chức kiểm toán xem xét lại kết quả kiểm toán, nếu có bất đồng và tranh chấp thì kiến nghị lên cơ quan tài chính địa phương hoặc Bộ Tài chính xem xét, xử lý.

Điều 22. - Bộ Tài chính thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với hoạt động kiểm toán. Nội dung quản lý Nhà nước gồm:

1. Ban hành các nguyên tắc, chuẩn mực kiểm toán và các tài liệu hướng dẫn về phương pháp chuyên môn nghiệp vụ kiểm toán.

2. Ban hành và chỉ đạo thực hiện quy chế về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm toán viên, thể thức thi tuyển và cấp chứng chỉ hành nghề kiểm toán viên, thành lập Hội đồng thi cấp Nhà nước để tổ chức thi tuyển và cấp chứng chỉ kiểm toán viên theo quy định của Nhà nước.

3. Thẩm định hồ sơ xin phép thành lập tổ chức kiểm toán, tổ chức đăng ký và thực hiện việc quản lý thống nhất danh sách kiểm toán viên.

4. Quy định khung giá phí kiểm toán để áp dụng thống nhất trong hoạt động kiểm toán.

5. Kiểm tra việc tuân thủ pháp luật và quy chế kiểm toán trong hoạt động của các tổ chức kiểm toán, xử lý các bất đồng và tranh chấp về kết quả kiểm toán.

Ý kiến của Bộ trưởng Bộ Tài chính về các bất đồng và tranh chấp về kết quả kiểm toán là ý kiến cuối cùng.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 23. - Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và được áp dụng cho các tổ chức kiểm toán độc lập của Việt Nam và các tổ chức

kiểm toán nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 24. - Các quy định trước đây trái với Quy chế này đều bãi bỏ.

T.M. Chính phủ
K.T. Thủ tướng
Phó Thủ tướng
PHAN VĂN KHẢI

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 582-TTg ngày 1-12-1993 về việc chuẩn y Điều lệ Hội đồng Liên minh các Hợp tác xã Việt Nam.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Xét báo cáo kết quả Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất Hội đồng Liên minh các Hợp tác xã Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. - Chuẩn y điều lệ Hội đồng Liên minh các Hợp tác xã Việt Nam do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất Hội đồng Liên minh các Hợp tác xã Việt Nam thông qua ngày 30 tháng 10 năm 1993 (toàn văn kèm theo Quyết định này).

Điều 2. - Quyết định này có hiệu lực từ ngày ban hành, những quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. - Chủ tịch Ban Chấp hành Hội đồng Trung ương liên minh các Hợp tác xã Việt Nam, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ

tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng
PHAN VĂN KHẢI

ĐIỀU LỆ Hội đồng Liên minh các Hợp tác xã Việt Nam

(Đã được Thủ tướng Chính phủ chuẩn y tại Quyết định số 582-TTg ngày 1-12-1993).

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. - Hội đồng Liên minh các Hợp tác xã Việt Nam (dưới đây gọi tắt là Hội đồng) là tổ chức kinh tế - xã hội của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác (gọi chung là hợp tác xã) hoạt động trong các lĩnh vực công nghiệp, thủ công nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, thương mại, dịch vụ; được thành lập theo nguyên tắc tự nguyện, dân chủ, cùng có lợi; đại diện cho các thành viên trong quan hệ đối nội, đối ngoại; nhằm mục đích phát triển hoạt động kinh tế, xã hội của các hợp tác xã theo đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh.

Hội đồng được tổ chức ở Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là tổ chức có tư cách pháp nhân hoạt động theo pháp luật Việt Nam, được Nhà nước công nhận.

Trụ sở của Hội đồng đặt tại Hà Nội - Thủ đô nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. - Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng:

2.1. Tổ chức các hoạt động kinh tế, xã hội, hướng dẫn, tư vấn, dịch vụ những vấn đề pháp luật và quản lý kinh tế nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các hợp tác xã.